

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023**  
**của tỉnh Thanh Hóa**

**SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 610/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền thực hiện công khai ngân sách địa phương hàng năm của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 19348/UBND-KTTC ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao triển khai thực hiện Nghị quyết số 610/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng QLNS&TKTC,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của tỉnh Thanh Hóa (Có các phụ lục chi tiết và thuyết minh kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban Giám đốc; Trưởng các Phòng nghiệp vụ Sở; Chánh Văn phòng, Chánh Thanh Tra chịu trách nhiệm phối hợp với các ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo)
- Văn phòng Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Văn phòng HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, QLNS&TKTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Tứ**

Thanh Hóa, ngày tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN; QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH  
ĐỊA PHƯƠNG TỈNH THANH HÓA NĂM 2023**

**A. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023 (không bao gồm số thu bổ sung giữa các cấp ngân sách) là: 92.049.214 triệu đồng**

*(Chín mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm mười bốn triệu đồng)*

*Bao gồm:*

- Ngân sách Trung ương: 19.070.789 triệu đồng
- Ngân sách địa phương: 72.978.425 triệu đồng

**Chi tiết theo nội dung thu như sau:**

**1. Thu NSNN trên địa bàn:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2023 là 43.292.739 triệu đồng, đạt 123% dự toán và bằng 85% so với cùng kỳ. Trong đó:

*1.1. Thu nội địa: 26.409.804 triệu đồng*

Đạt 121% dự toán và bằng 85% so với cùng kỳ.

Tổng thể tiến độ thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2023 vượt dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao nhưng giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022 do ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình kinh tế thế giới, phục hồi sau đại dịch Covid-19 còn chậm; xung đột vũ trang giữa các nước kéo dài; chính sách tài chính, tiền tệ thắt chặt; nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước sụt giảm mạnh so với cùng kỳ.

*1.2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 16.762.559 triệu đồng*

Đạt 124% dự toán và bằng 85% so với cùng kỳ. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu từ nguồn thu dầu thô nhập khẩu của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Do đó, khi Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn thực hiện bảo dưỡng theo kế hoạch, kết hợp với việc giá dầu thô giảm mạnh so với năm 2022, số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm mạnh so với cùng kỳ.

*1.3. Thu viện trợ, huy động, đóng góp: 119.663 triệu đồng*

*1.4. Thu hồi vốn Nhà nước và thu từ quỹ DTTC: 713 triệu đồng*

**2. Thu chuyển giao ngân sách: 23.708.029 triệu đồng**

<b>3. Thu chuyển nguồn:</b>	<b>24.767.113 triệu đồng</b>
<b>4. Thu kết dư:</b>	<b>170.703 triệu đồng</b>
<b>5. Vay của NSDP:</b>	<b>110.630 triệu đồng</b>

## **B. THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

### **I. Thu ngân sách địa phương**

**Tổng thu ngân sách địa phương năm 2023 (không bao gồm số thu bổ sung giữa các cấp ngân sách) là: 72.978.425 triệu đồng**

*(Bảy hai nghìn, chín trăm bảy mươi tám tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng)*

*Bao gồm:*

- Ngân sách cấp tỉnh:	30.206.644 triệu đồng
- Ngân sách cấp huyện:	33.136.868 triệu đồng
- Ngân sách xã:	9.634.913 triệu đồng

### **Chi tiết theo nội dung thu như sau:**

**1. Thu NSNN trên địa bàn: 25.378.283 triệu đồng**

*1.1. Thu nội địa: 25.265.331 triệu đồng*

Đạt 122% dự toán, 84% so với cùng kỳ, ngoại trừ 3 chỉ tiêu thu bao gồm: lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân và thuế bảo vệ môi trường không đạt dự toán, các chỉ tiêu thu còn lại đều vượt dự toán; trong đó, một số khoản thu có tỷ trọng lớn như: thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu tiền sử dụng đất.

Chi tiết một số khoản thu như sau:

*a. Các khoản thu từ đất:*

Tổng thu 10.395.038 triệu đồng (chiếm 41% tổng thu nội địa), đạt 135% dự toán, bằng 73% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 9.461.717 triệu đồng, đạt 133% dự toán, bằng 70% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân đạt thấp so với cùng kỳ do: (1) ảnh hưởng tiêu cực của thị trường vốn, tài chính, bất động sản thế giới và trong nước năm 2023, dẫn đến các giao dịch mua bán bất động sản, chuyển đổi mục đích sử dụng đất giảm đáng kể so với cùng kỳ; (2) tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn nhiều huyện, thị xã, thành phố không đạt kế hoạch do chậm trễ trong công tác phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Thu tiền thuê đất, mặt nước: 838.598 triệu đồng, đạt 152% dự toán, bằng 137% so với cùng kỳ.

Số thu đạt cao so với dự toán do trong năm 2023 nhiều đơn vị đã thực hiện nộp tiền thuê đất 01 lần cho nhiều năm và ghi thu tiền thuê đất, ghi chi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 94.552 triệu đồng, đạt 163% dự toán, bằng 109% so với cùng kỳ.

- Thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp: 172 triệu đồng.

*b. Thu từ doanh nghiệp nhà nước:* 1.857.574 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 7% tổng thu nội địa), đạt 102% dự toán, bằng 96% so với cùng kỳ.

*c. Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:* 5.844.965 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 23% tổng thu nội địa), bằng 134% dự toán, bằng 92% so với cùng kỳ.

*d. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:* 3.362.576 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 13% tổng thu nội địa), đạt 128% dự toán, bằng 122% so với cùng kỳ.

*e. Các khoản thu phí, lệ phí:*

Tổng thu 1.155.414 triệu đồng (chiếm 5% tổng thu nội địa), đạt 91% dự toán, bằng 79% so với cùng kỳ. Bao gồm:

- Lệ phí trước bạ: 851.802 triệu đồng, đạt 87% dự toán, bằng 72% so với cùng kỳ.

- Các khoản phí, lệ phí khác: 303.612 triệu đồng, đạt 105% dự toán, bằng 108% so với cùng kỳ.

*g. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác:* 133.524 triệu đồng, đạt 127% dự toán, bằng 108% so với cùng kỳ.

*h. Thu khác ngân sách:* 481.407 triệu đồng, đạt 117% dự toán, bằng 58% so với cùng kỳ.

Nhìn chung, thu nội địa tuy vượt dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao nhưng giảm so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do:

- Thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nội địa và giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

- Tiến độ thu của một số chỉ tiêu có tỷ trọng cao (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) như thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, lệ phí trước bạ đều giảm so với cùng kỳ; nguyên nhân do: (1) sức ép lạm phát tăng cao, tình hình trong nước và thế giới còn nhiều bất ổn, tác động tiêu cực đến thị trường và nhu cầu tiêu dùng trong nước; (2) hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong năm 2023 gặp khó khăn do vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy; (3) số thu một số khoản thuế giảm so với cùng kỳ do thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thời gian nộp thuế, hỗ trợ doanh nghiệp theo chủ trương của Quốc hội, Chính phủ.

*1.2. Thu viện trợ, huy động, đóng góp:* 112.239 triệu đồng

*1.3. Thu hồi vốn Nhà nước và thu từ quỹ DTTC:* 713 triệu đồng

**2. Thu chuyển giao ngân sách: 22.551.696 triệu đồng**

2.1. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 22.020.347 triệu đồng

Đạt 115% dự toán được giao. Trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 13.962.965 triệu đồng, bằng 98% dự toán.

- Bổ sung mục tiêu: 8.057.382 triệu đồng, bằng 162% dự toán. Tăng so với dự toán đầu năm do trong năm ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện một số cơ chế, chính sách, như: Hỗ trợ đầu tư trở lại cho tỉnh Thanh Hóa theo quy định của Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội; bổ sung kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội từ năm 2023 trở về trước và hỗ trợ chi trả chế độ cho số lượng biên chế giáo viên được bổ sung theo Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị; Hỗ trợ kinh phí thực hiện phòng chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;...

2.2. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 531.349 triệu đồng

Chi tiết một số khoản thu lớn như sau: Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp; Chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; Chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn...

**3. Thu chuyển nguồn: 24.767.113 triệu đồng**

- Ngân sách cấp tỉnh: 13.114.272 triệu đồng

- Ngân sách cấp huyện: 9.588.343 triệu đồng

- Ngân sách xã 2.064.498 triệu đồng

**4. Thu kết dư: 170.703 triệu đồng**

- Ngân sách cấp tỉnh: 108.408 triệu đồng

- Ngân sách cấp huyện: 11.611 triệu đồng

- Ngân sách xã: 50.684 triệu đồng

**5. Vay của ngân sách địa phương: 110.630 triệu đồng**

Ngân sách cấp tỉnh vay từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại để thực hiện các dự án: Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường chống chịu; Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP); Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập (WB8); Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB...

## **II. Chi ngân sách địa phương**

**Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 (không bao gồm số chi bổ sung giữa các cấp ngân sách) là: 72.912.006 triệu đồng**

(Bảy hai nghìn, chín trăm mười hai tỷ, không trăm linh sáu triệu đồng)

*Bao gồm:*

- Ngân sách cấp tỉnh:	30.159.247 triệu đồng
- Ngân sách cấp huyện:	33.128.342 triệu đồng
- Ngân sách xã:	9.624.417 triệu đồng

**Chi tiết theo nội dung chi như sau:**

**1. Chi cân đối ngân sách: 71.224.324 triệu đồng**

*1.1. Chi đầu tư phát triển: 21.273.647 triệu đồng*

Chiếm tỷ trọng 30% tổng số chi cân đối ngân sách, đạt 170% dự toán và bằng 114% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng chủ yếu do các dự án được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn sang năm 2023; tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, hướng tới mục tiêu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

*1.2. Chi thường xuyên: 23.083.900 triệu đồng*

Chiếm 32% tổng số chi cân đối ngân sách, đạt 83% dự toán và bằng 109% so với cùng kỳ. Trong đó:

- *Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề:* 10.083.845 triệu đồng, bằng 89% dự toán và bằng 110% so với cùng kỳ; nguyên nhân không đạt dự toán do một số nhiệm vụ chi chương trình MTQG thuộc sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề được Quốc hội cho phép chuyển nguồn sang năm sau; tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương và cắt giảm một số nhiệm vụ chi không thực hiện...

- *Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ:* 45.783 triệu đồng, bằng 80% dự toán trung ương giao, 39% dự toán tỉnh giao và bằng 107% so với cùng kỳ; nguyên nhân không đạt dự toán chủ yếu do trong năm không thực hiện chính sách khuyến khích phát triển khoa học công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế xã hội (các đối tượng không đảm bảo điều kiện được hưởng chính sách); kinh phí thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học chuyển nguồn sang năm sau để quyết toán và cắt giảm một số nhiệm vụ do không thực hiện.

*1.3. Chi trả nợ lãi vay: 15.894 triệu đồng*

*1.4. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 25.351 triệu đồng*

*1.5. Chi chuyển nguồn: 26.825.532 triệu đồng*

**2. Chi nộp ngân sách cấp trên: 1.687.682 triệu đồng**

Chi tiết một số khoản chi lớn như sau: Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp; Chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; Chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn...

### **III. Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương**

**Tổng chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 là: 66.419 triệu đồng, trong đó:**

- |                         |                   |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Ngân sách cấp tỉnh:  | 47.397 triệu đồng |
| 2. Ngân sách cấp huyện: | 8.526 triệu đồng  |
| 3. Ngân sách xã:        | 10.496 triệu đồng |

*(Chi tiết theo Biểu số 01, 02 và 03 kèm theo)*

**SỞ TÀI CHÍNH THANH HÓA**



**Biểu số 01: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2023***Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng thu NSNN	NSTW	NSDP	Trong đó phân chia các cấp ngân sách		
					NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
A	B	1=2+3	2	3=4+5+6	4	5	6
	<b>Tổng thu NSNN (Đã loại trừ số thu bổ sung giữa các cấp NS )</b>	<b>92.049.214</b>	<b>19.070.789</b>	<b>72.978.425</b>	<b>30.206.644</b>	<b>33.136.868</b>	<b>9.634.913</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách nhà nước</b>	<b>43.292.739</b>	<b>17.914.456</b>	<b>25.378.283</b>	<b>14.148.544</b>	<b>9.324.778</b>	<b>1.904.961</b>
1	Thu nội địa	26.409.804	1.144.473	25.265.331	14.146.820	9.277.245	1.841.266
	TĐ: Thu tiền sử dụng đất	9.461.717	-	9.461.717	3.034.695	5.233.697	1.193.325
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	16.762.559	16.762.559				
3	Thu viện trợ, huy động, đóng góp	119.663	7.424	112.239	1.011	47.533	63.695
4	Thu hồi vốn Nhà nước và thu từ quỹ DTTC	713	-	713	713	-	-
<b>II</b>	<b>Thu chuyển giao ngân sách</b>	<b>23.708.029</b>	<b>1.156.333</b>	<b>22.551.696</b>	<b>2.724.790</b>	<b>14.212.136</b>	<b>5.614.770</b>
1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (loại trừ thu bổ sung giữa các cấp NS)	22.020.347	-	22.020.347	2.262.591	14.142.986	5.614.770
2	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	1.687.682	1.156.333	531.349	462.199	69.150	
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>24.767.113</b>	<b>-</b>	<b>24.767.113</b>	<b>13.114.272</b>	<b>9.588.343</b>	<b>2.064.498</b>
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>	<b>170.703</b>	<b>-</b>	<b>170.703</b>	<b>108.408</b>	<b>11.611</b>	<b>50.684</b>
<b>V</b>	<b>Vay của ngân sách địa phương</b>	<b>110.630</b>	<b>-</b>	<b>110.630</b>	<b>110.630</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Biểu số 02: Chi ngân sách địa phương năm 2023***Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng chi NSDP	Trong đó phân chia các cấp ngân sách		
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1=2+3+4</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
	<b>Tổng chi NSDP (Đã loại trừ số chi bổ sung giữa các cấp NS )</b>	<b>72.912.006</b>	<b>30.159.247</b>	<b>33.128.342</b>	<b>9.624.417</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối ngân sách</b>	<b>71.224.324</b>	<b>29.002.914</b>	<b>32.666.143</b>	<b>9.555.267</b>
1	Chi đầu tư phát triển	21.273.647	6.904.485	9.854.765	4.514.397
2	Chi trả nợ lãi vay	15.894	15.894	-	-
3	Chi thường xuyên	23.083.900	5.953.595	13.595.312	3.534.993
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	25.351	25.351	-	-
5	Chi chuyển nguồn	26.825.532	16.103.589	9.216.066	1.505.877
<b>II</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>	<b>1.687.682</b>	<b>1.156.333</b>	<b>462.199</b>	<b>69.150</b>

**Biểu số 03: Chênh lệch thu - chi ngân sách địa phương năm 2023**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó phân chia các cấp ngân sách		
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1=2+3+4</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
I	Tổng thu ngân sách địa phương	72.978.425	30.206.644	33.136.868	9.634.913
II	Tổng chi ngân sách địa phương	72.912.006	30.159.247	33.128.342	9.624.417
III	Chênh lệch thu - chi (I - II)	66.419	47.397	8.526	10.496